

Q, ngày 15 tháng 02 năm 2024

Số: 12/2024/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 06/2024/TLST- DS ngày 09 tháng 01 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1,2,3, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh Kháng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quyết Thắng – Chuyên viên xử lý nợ theo Giấy ủy quyền số 1142/UQ-TGD.23 ngày 25/12/2023.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Đội 9, thôn Vĩnh Phúc, xã L, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L sinh năm 1962 (mẹ anh T), anh Nguyễn Văn Đsinh năm 1998 (em anh T), anh Nguyễn Văn T sinh năm 1993 và vợ là chị Vương Minh H sinh năm 1993.

Điều cư trú tại: Đội 9, thôn Vĩnh Phúc, xã L, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP A và anh Nguyễn Văn T xác nhận tạm tính đến ngày 23/01/2024, anh T còn nợ Ngân hàng TMCP A số tiền đã vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số 123/19/TD-CN/II.25 ngày 31/7/2019 và Giấy nhận nợ số 123/19/TD-CN//II.25.01 ngày 31/7/2019 là: 469.396.365 đồng (Bốn trăm sáu mươi chín triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 294.999.977 đồng (Hai trăm chín mươi bốn triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng).

- Lãi trong hạn: 125.167.831 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm ba mươi một đồng).

- Lãi quá hạn: 49.228.557 đồng (Bốn mươi chín triệu hai trăm hai mươi tám nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng).

2.2. Kể từ ngày 24/01/2024, anh Nguyễn Văn T vẫn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay từng lần số 123/19/TD-CN/II.25 ngày 31/7/2019 và Giấy nhận nợ số 123/19/TD-CN//II.25.01 ngày 31/7/2019 cho đến khi trả hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP A thì lãi suất mà anh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

2.3. Ngân hàng TMCP A và anh Nguyễn Văn T thống nhất lộ trình trả nợ như sau:

- Kể từ tháng 02/2024 đến tháng 01/2025 dương lịch, vào ngày 30 hàng tháng (riêng tháng 02/2024 trả vào ngày 28) anh T phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), trả vào nợ gốc.

- Chậm nhất đến ngày 28/02/2025, anh T phải tất toán toàn bộ dư nợ gốc còn lại; nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn như nêu tại mục 2.1 và lãi phát sinh từ ngày 24/01/2024 như nêu tại mục 2.2.

2.4. Trường hợp anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ (trả không đầy đủ số tiền hoặc vi phạm về thời gian) thì Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số 75/19/HĐTC/II.25 do Văn phòng công chứng Lê Dung, thành phố Hà Nội công chứng số 00781/2019/HĐTC-AB quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 31/7/2019 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 76/19/HĐTC/II.25 ngày 31/7/2019 tại Ngân hàng TMCP A, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 293, tờ bản đồ số 8, tại thôn Vĩnh Phúc, xã L,

huyện Q, thành phố Hà Nội được UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK781392, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH1260 ngày 14/10/2023 cho hộ bà Nguyễn Thị Liên. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội – Chi nhánh huyện Q ngày 01/8/2019.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm.

Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, đang sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản không đủ để trả nợ thì anh T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP A.

2.5. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 11.388.000 đồng (Mười một triệu ba trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP A số tiền 11.308.000 (mười một triệu ba trăm linh tám nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019853 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy